TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày 23/3/2021
Về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-DS ngày 05/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-KDTM ngày 26/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B; địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5 Tòa nhà T, số nhà 210 đường T, phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lâm Thanh T, sinh năm 1984 (Có mặt); là Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh B (Viết tắt là Ngân hàng); địa chỉ: Số nhà 56 đường T, Phường 7, thành phố B, tỉnh B (Quyết định ủy quyền số 207/2020/QĐ-LienVietPostBank.BL ngày 01/9/2020).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 (Vắng mặt); địa chỉ: Nhà không số, khóm C, Phường 2, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn L, sinh năm 1972 (Vắng mặt); địa chỉ: Nhà không số, khóm C, Phường 2, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 03/5/2019 (BL 41) và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần B cũng như người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là anh Lâm Thanh T trình bày:

Ngày 14/02/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh B với bà Nguyễn Thị L đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0194TC/2017/HĐTD/CNBacLieu. Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho bà L vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); mục đích vay tiêu dùng; lãi suất vay 12%/năm đối với 03 tháng đầu, từ tháng thứ 04 lãi suất trên dư nợ thực tế theo Công thức LSCV = LS Tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ + 4,75%/năm; hình thức trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng; thời hạn vay là 60 tháng.

Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân và bà L đã nhận đủ tiền vay. Đến ngày 25/12/2017, bà L để phát sinh nợ quá hạn và Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho bà L thanh toán nhưng bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên xảy ra tranh chấp. Tính đến ngày 23/3/2021, bà L còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần B vốn gốc là 255.000.000 đồng, lãi trong hạn là 67.206.143 đồng, lãi quá hạn là 87.787.078 đồng; tổng cộng là 409.993.221 đồng (Bốn trăm lẻ chín triệu chín trăm chín mươi ba ngàn hai trăm hai mươi mốt đồng).

Nay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị L cùng chồng là ông Lê Văn L phải thanh toán trả Ngân hàng số nợ nêu trên và vợ chồng bà L tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng.

Tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp là: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh, Hợp đồng tín dụng số 0194TC/2017/HĐTD/CNBacLieu ngày 14/02/2017, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0194TC/2017/KU/CNBacLieu-01 ngày 17/02/2017, Biên bản làm việc ngày 02/3/2018, Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 và Quyết định số 207/2020/QĐ-LienVietPostBank.BL ngày 01/9/2020 về ủy quyền tham gia tố tụng; Đơn xác nhận đề ngày 29/10/2018 về việc bị đơn chưa có số nhà.

- Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn L:

Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà L với ông L đều không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Vợ chồng bà L còn vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp nêu trên cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho bà Ly với ông Lâm và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Phiên tòa ngày 26/02/2021, bị đơn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn L vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà L - ông L thanh toán tiền vốn và lãi theo Hợp đồng đến khi trả hết nợ vay. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, phía bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán tiền vốn vay và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng, bà L vay tiền nhằm mục đích tiêu dùng. Vì vậy, đây là giao dịch dân sự thuộc trường hợp Hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Đương sự có mặt, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông L.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Hợp đồng tín dụng (BL 52), Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ (BL 53) cũng như việc không phản đối của bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn L; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; có cơ sở kết luận vào ngày 14 tháng 02 năm 2017, bà Nguyễn Thị L đã giao kết Hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh B để vay 300.000.000 đồng, bà L đã nhận đủ tiền vay theo khế ước nhận nợ nêu trên.

- Căn cứ Biên bản làm việc ngày 02/3/2018, thì: Tính đến ngày 02/3/2018, bà Nguyễn Thị L đã xác nhận dư nợ là 265.000.000 đồng. Tại Biên bản, có ghi nhận cam kết *"Tôi tên Nguyễn Thị L, xin hứa từ nay đến ngày 10/3/2018 tôi xin trả số tiền 1 kỳ. Số còn lại trong vòng 1 tháng tôi sẽ trả cho đầy đủ phần quá hạn, những kỳ còn lại sẽ đóng đúng theo hợp đồng"*.

Xét Hợp đồng số 0194TC/2017/HĐTD/CNBacLieu được xác lập vào ngày 14/02/2017, thì thấy:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B là tổ chức tín dụng, có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Tại điểm a Khoản 3 Điều 4 và điểm a Khoản 1 Điều 21 Điều lệ của Ngân hàng (BL 32, 35) có nội dung quy định chi nhánh được hoạt động cho vay, phù hợp với Điều 49 của Luật các tổ chức tín dụng và về phía bị đơn là bà L không thuộc trường hợp quy định tại các điều 22, 23, 24 của Bộ luật dân sự nên Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh B ký kết Hợp đồng trên với bị đơn là đảm bảo điều kiện chủ thể quy định tại Điều 16, Điều 19 và Điều 86 của Bộ luật dân sự; các đương sự đều không phản đối việc đã giao kết Hợp đồng và không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng tiền vay để tiêu dùng gia đình là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự; ngoài ra, Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều khoản cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, công thức tính lãi cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, giữa nguyên đơn và phía bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng vay tài sản hợp pháp, bắt buộc các bên phải thi hành.

Xét yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông L cùng có nghĩa vụ trả nợ thì thấy: Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản, trong đó tại Khoản 2 đã chỉ rõ *"Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"*. Đối chiếu với quy định này, thấy rằng, rõ ràng ông L đã không phản đối tình tiết là chủ hộ gia đình với tư cách là chồng của bà L, bà L sử dụng tiền vay để mua sắm đồ gia dụng nên ông L có nghĩa vụ cùng bà L trả nợ vay của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp.

Tính đến ngày 23/3/2021, bà L chỉ thanh toán tiền vốn được 45.000.000 đồng và lãi được 26.440.910 đồng; nguyên đơn đã tính lãi đúng theo Hợp đồng nên bị đơn còn nợ Ngân hàng tiền vốn 255.000.000 đồng và tiền lãi 154.993.221 đồng, tổng cộng nợ vốn và lãi là 409.993.221 đồng (Bốn trăm lẻ chín triệu chín trăm chín mươi ba ngàn hai trăm hai mươi mốt đồng), bà L đã vi phạm mục 9.4 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, phía bị đơn đã có lỗi, Ngân hàng được quyền thu hồi nợ trước hạn theo điểm b mục 7.1 Điều 7 của Hợp đồng đã ký.

Bà L và ông L không có ý kiến phản đối về số tiền vốn và lãi tính đến ngày 03/5/2019, Ngân hàng khởi kiện nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà L và ông L thanh toán 409.993.221 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng từ ngày 24/3/2021 đến khi trả hết nợ vay.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể, bà L và ông L phải chịu án phí là 20.000.000 + (9.993.221 đồng x 4%) = 20.399.728 đồng.

[4] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn L, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn L có nghĩa vụ liên đới trả Ngân hàng số tiền 409.993.221 đồng (Bốn trăm lẻ chín triệu chín trăm chín mươi ba ngàn hai trăm hai mươi mốt đồng). Bà L và ông L còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số *0194TC/2017/HĐTD/CNBacLieu ngày 14/02/2017,* kể từ ngày 24/3/2021 cho đến khi trả hết nợ vay. Trường hợp Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất mà bên vay phải trả cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Nếu bà L và ông L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có yêu cầu thi hành án thì bà L với ông L còn phải trả lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn L phải liên đới chịu 20.399.728 đồng (Hai mươi triệu ba trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi tám đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.783.994 đồng, theo Biên lai thu số 0007929 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Ngân hàng có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; riêng bà L, ông L có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG